



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVII - KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO
KỲ THI: CUỐI KỲ - HỌC KỲ 4; MÔN : LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM
MÃ MÔN: VNB109; MÃ LỚP: 517.DC.VNB109.1.1
GIẢNG VIÊN : TT.TS. THÍCH PHƯỚC ĐẠT
THỜI GIAN THI: 15H00 - 16H30; THỨ HAI NGÀY 15/01/2024 - PHÒNG 103A

TT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	2250000108	Nguyễn Thị Thu Hà	TN. Trung Giác			
2	2250000109	Lê Thị Thuận Hải	TN. Viên Thành			
3	2250000110	Nguyễn Thị Hồng Hải	TN. Chơn Y			
4	2250000111	Huỳnh Thị Hằng	TN. Huyền Ngọc			
5	2250000112	Nguyễn Thị Diệu Hằng	TN. Chúc Quảng			
6	2250000113	Trương Thị Thúy Hằng	TN. Liên Hà			
7	2250000115	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	TN. Hiếu Liên			
8	2250000117	Tô Ngọc Hào	TN. Diệu Thanh			
9	2250000118	Võ Thị Vân Hậu	Thích Nữ Liên Ti			
10	2250000119	Phạm Thị Thanh Hậu	TN. Nghiêm Giới			
11	2250000120	Nguyễn Thị Hiền	TN. Nhuận Nguyên			
12	2250000122	Lê Thị Hiếu	TN. Quang Thuận			
13	2250000124	Huỳnh Thị Lệ Hòa	TN. Minh Phúc			
14	2250000125	Nguyễn Thị Thu Hồng	TN. Vạn Tiến			
15	2250000127	Nguyễn Thị Hương	TN. Thánh Thanh			
16	2250000128	Lưu Thị Mỹ Hương	TN. Nguyên Trí			
17	2250000130	Phạm Nguyễn Liên Kiều	TN. Diệu Phúc			
18	2250000131	Nguyễn Thị Hoanh Kiều	TN. Hạnh Trí			
19	2250000132	Nguyễn Thị Lan	TN. Huệ Bảo			
20	2250000134	Trần Thị Phương Linh	Thích Nữ Nhẫn Thiện			
21	2250000135	Nguyễn Tôn Thị Thùy Linh	TN. Tĩnh Huyền			
22	2250000136	Phan Thị Mỹ Lơ	TN. Trí Tường			
23	2250000137	Hồ Thị Kim Loan	TN. Hoa Viên			
24	2250000138	Nguyễn Thị Kim Loan	TN. Vạn An			
25	2250000139	Đới Thị Loan	TN. Trung Lộc			

26	2250000140	Nguyễn Thị Ngọc Loan	TN. Nhân Liên			
27	2250000141	Võ Duy Minh Lưu	TN. Nhật Tuệ			
28	2250000142	Lê Thị Ly Ly	TN. Tuệ An			
29	2250000143	Huỳnh Thị Mỹ Ly	TN. Đức Huyền			
30	2250000144	Nguyễn Thị Ngọc Mai	TN. Tuệ Giác			
31	2250000145	Thị Mía	TN. Tịnh Ngân			
32	2250000146	Nguyễn Thị Mộng	TN. Liên Như			
33	2250000148	Võ Thị Hoài Mỹ	TN. Huệ Ngọc			
34	2250000149	Trần Thị Na	TN. Huệ Liên Dung			
35	2250000150	Trần Thị Na	TN. Vạn Thiện			
36	2250000151	Huỳnh Thị Kim Na	TN. Phước Liên			
37	2250000152	Nguyễn Thị Nga	TN. Trí Thịnh			
38	2250000153	Lương Thị Thảo Ngân	TN. Huệ Nghiêm			
39	2250000154	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	TN. Tịnh Thúc			
40	2250000155	Trần Thị Quý Nghĩa	TN. Liên Nhân			
41	2250000156	Nguyễn Thị Ngoan	TN. Thiên Nguyên			
42	2250000157	Đào Như Ngọc	TN. Liên Phụng			
43	2250000158	Đầu Thị Nguyên	TN. An Khê			
44	2250000159	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	TN. Diệu Huyền			
45	2250000160	Nguyễn Thị Quỳnh Như	TN. Tuệ Hỷ			
46	2250000161	Hoàng Ngọc Nhung	TN. Thường Đức			
47	2250000162	Lê Hoàng Yến Nhung	TN. Diệu Pháp			
48	2250000164	Nguyễn Thị Yến Oanh	TN. Thanh Đức			
49	2250000165	Nguyễn Thị Phúc	TN. Diệu Hương			
50	2250000167	Ngô Thị Phương	TN. Tịnh Yên			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ **GIÁM THỊ**
1 **2**
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký , họ tên)

GIẢNG VIÊN